TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ
Ngày: 24-7-2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: Trần Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Phong và bà Lê Thị Vân.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 141/2019/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ng, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ 6, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp B1, xã B, huyện X, tỉnh Long An. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị Ng trình bày: Vào năm 1991, chị và anh V do mai mối được hai bên gia đình tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn do anh V không có hộ khẩu. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày 03/3/1993 và Nguyễn Hoàng Ph, sinh ngày 05/10/1998. Do vào năm 1993, chị và anh V không đăng ký kết hôn nên có nhờ anh Nguyễn Văn G và chị Nguyễn Thị L khai sinh con chung là Nguyễn Thị Thúy H nhưng thực chất Hằng là con chung của chị và anh V. Thời gian đầu sống hạnh phúc. Sau đó do anh V mê chơi cờ bạc, có tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh chị đã sống ly thân gần 03 năm. Nay chị Ng xác định không còn tình cảm với anh V nên xin ly hôn.

Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn V trình bày: Về quan hệ hôn nhân như chị Ng trình bày. Do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay anh chị đã sống ly thân gần 03 năm. Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày 03/3/1993 và Nguyễn Hoàng Ph, sinh ngày 05/10/1998. Hiện con chung đã trưởng thành và khỏe mạnh. Do vào năm 1993, anh và chị Ng không đăng ký kết hôn nên có nhờ anh Nguyễn Văn G và chị Nguyễn Thị L khai sinh con chung là Nguyễn Thị Thúy H nhưng thực chất Hằng là con chung của anh V và chị Ng. Nay chị Ng xin ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh V thống nhất ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Ng và anh Nguyễn Văn V chung sống với nhau như vợ chồng vào 1991 nhưng không đăng ký kết hôn do anh V chưa có sổ hộ khẩu. Nay chị Ng yêu cầu ly hôn, anh V đang cư trú tại ấp B1, xã B, huyện X, nên Tòa án nhân dân huyện X thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ng và anh Nguyễn Văn V chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn do anh V chưa có sổ hộ khẩu. Trong thời gian chung sống anh chị cũng không liên hệ cơ quan có chức năng làm thủ tục đăng ký theo quy định. Quá trình sống chung đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp tính tình. Hiện anh V và chị Ng đã sống ly thân khoảng 03 năm. Nay chị Ng yêu cầu xin ly hôn, Hội đồng xét xử xét yêu cầu xin ly hôn của chị Ng là phù hợp Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Chị Ng, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ng đối với anh Nguyễn Văn V.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị Ng với anh Nguyễn Văn V là vợ chồng.

Án phí: Chị Trần Thị Ng phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị Ng đã nộp theo biên lai thu số 0001958, ngày 06/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An sang án phí. Chị Ng không phải nộp thêm.

Án xử sơ thẩm các đương sự không đồng ý thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 24/7/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hương

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện X;*
- *Chi cục THADS huyện X;*
- *UBND B;*
- *UBND xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu án văn.*

.